HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 09 /2022/NQ-HĐND	*Quảng Nam, ngày 21 tháng 4 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT
Quy định cơ chế khuyến khích bảo tồn, phát triển Sâm Ngọc Linh và cây dược liệu khác trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022 - 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ BẢY

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Ngân sách nhà nước; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi thành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Xét Tờ trình số 1853/TTr-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết quy định cơ chế khuyến khích bảo tồn, phát triển Sâm Ngọc Linh và dược liệu trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022 - 2025; Báo cáo thẩm tra số 54/BC-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định cơ chế khuyến khích bảo tồn, phát triển Sâm Ngọc Linh và cây dược liệu khác trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2022 - 2025. Cụ thể:

1. Đối với cây Sâm Ngọc Linh

a) Khu vực bảo tồn: Theo vùng trồng bảo tồn và phát triển Sâm Ngọc Linh tại huyện Nam Trà My, trong đó tập trung ở các xã: Trà Linh, Trà Nam, Trà Cang, Trà Don, Trà Tập, Trà Dơn và Trà Leng.

b) Vùng di thực: Các xã khác của huyện Nam Trà My và các huyện Phước Sơn, Tây Giang, Nam Giang, Đông Giang, Bắc Trà My, Núi Thành đảm bảo các điều kiện tự nhiên, sau khi đã được phê duyệt phương án trồng di thực.

2. Đối với cây dược liệu khác

Các vùng trồng cây dược liệu khác nằm trong vùng quy hoạch, kế hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hộ, nhóm hộ có đăng ký thường trú và sinh sống tại các địa phương thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết, có nhu cầu, khả năng đầu tư trồng Sâm Ngọc Linh và các cây dược liệu khác đảm bảo các quy định về điều kiện được hỗ trợ.

2. Các cơ quan, đơn vị sự nghiệp; đơn vị quản lý rừng; tổ hợp tác; hợp tác xã; liên hiệp hợp tác xã thành lập mới hoặc đã chuyển đổi theo Luật Hợp tác xã năm 2012.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Cây dược liệu khác: Là các cây dược liệu nằm trong danh mục các cây dược liệu ưu tiên phát triển trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 2801/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Quảng Nam (trừ cây Sâm Ngọc Linh và cây Quế Trà My).

2. Nhóm hộ: Là từ 02 hộ gia đình trở lên tham gia liên kết để trồng Sâm Ngọc Linh và cây dược liệu khác.

3. Giá cây giống Sâm Ngọc Linh: Là giá do Sở Tài chính phối hợp với địa phương, đơn vị liên quan thẩm định theo từng năm.

Điều 4. Khu vực áp dụng, điều kiện, nguyên tắc và phương thức hỗ trợ

1. Khu vực áp dụng

a) Khu vực I: Gồm các huyện, thị xã, thành phố: Tam Kỳ, Hội An, Điện Bàn, Đại Lộc, Duy Xuyên, Thăng Bình, Quế Sơn, Phú Ninh và Núi Thành.

b) Khu vực II: Gồm các huyện: Hiệp Đức, Tiên Phước và Nông Sơn.

c) Khu vực III: Gồm các huyện: Đông Giang, Tây Giang, Nam Giang, Phước Sơn, Bắc Trà My và Nam Trà My.

2. Điều kiện được hỗ trợ

a) Các cơ quan, đơn vị sự nghiệp, đơn vị quản lý rừng; các tổ chức, cá nhân sản xuất giống cây Sâm Ngọc Linh và cây dược liệu khác tham gia bảo tồn, phát triển sản xuất gắn với tiêu thụ và chế biến các sản phẩm từ cây Sâm Ngọc Linh và cây dược liệu khác có dự án, phương án cụ thể được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Hộ, nhóm hộ phát triển cây Sâm Ngọc Linh và cây dược liệu khác được hỗ trợ phải có đăng ký thường trú và sinh sống trên địa bàn cấp xã; có đất sử dụng hợp pháp; được giao đất, nhận khoán quản lý, bảo vệ rừng và được hỗ trợ thuê môi trường rừng theo đúng quy định của pháp luật.

c) Hộ, nhóm hộ trồng cây dược liệu khác đúng quy hoạch, kế hoạch, kỹ thuật trồng theo hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành.

d) Nguồn giống sử dụng được chứng nhận chất lượng, nguồn gốc, xuất xứ theo quy định và chịu sự kiểm tra, giám sát, nghiệm thu của cơ quan chức năng.

đ) Tổ hợp tác, hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã có đăng ký hoạt động trên địa bàn cấp huyện thuộc đối tượng hỗ trợ của Nghị quyết này.

e) Đối tượng được nhận hỗ trợ cây giống Sâm Ngọc Linh và cây dược liệu khác có phương án trồng được cấp thẩm quyền phê duyệt, cụ thể:

Đối với hộ hoặc nhóm hộ: Có phương án được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

Đối với tổ hợp tác: Có phương án, dự án được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

Đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: Có phương án, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Đối với cây Sâm Ngọc Linh, ưu tiên hỗ trợ giống cho người dân ở các khu vực bảo tồn và phát triển tại huyện Nam Trà My và khu vực đã có chỉ dẫn địa lý; đối với vùng di thực hỗ trợ triển khai trồng thực nghiệm, đánh giá khả năng sinh trưởng phát triển trước khi hỗ trợ.

b) Tại cùng một thời điểm triển khai thực hiện, cùng nội dung mà có nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác nhau, thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn một chính sách ưu đãi, hỗ trợ có lợi nhất.

c) Trên một đơn vị diện tích chỉ được hỗ trợ một lần cho một loại cây trồng. Đối tượng nhận hỗ trợ có cam kết trồng cây dược liệu khác đúng theo phương án được phê duyệt; trường hợp trồng không đúng cam kết phải bồi thường toàn bộ số tiền được nhận hỗ trợ.

4. Phương thức hỗ trợ

a) Hỗ trợ trước đầu tư đối với các nội dung quy định tại Điều 5 của Nghị quyết này và cây giống đối với hộ, nhóm hộ, tổ hợp tác phù hợp với phạm vi, điều kiện được hỗ trợ; các nội dung hỗ trợ thực hiện công tác bảo tồn Sâm Ngọc Linh và cây dược liệu khác (Hỗ trợ chăm sóc, bảo vệ và phát triển vườn Sâm gốc, bảo tồn giống cây dược liệu khác).

b) Hỗ trợ sau đầu tư về cây giống Sâm Ngọc Linh đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Khi hoàn thành hạng mục của dự án, phương án (đã được phê duyệt) chủ đầu tư đề xuất nghiệm thu. Cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu và quyết định mức độ hỗ trợ (sau khi có biên bản nghiệm thu).

Điều 5. Nội dung và chính sách hỗ trợ chung

1. Chi cho công tác thông tin, tuyên truyền: Theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt; nội dung, mức chi cụ thể thực hiện theo Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ quy định chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản.

2. Chi hội nghị, hội thảo, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý; hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch…cây Sâm Ngọc Linh và các cây dược liệu khác: Theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo các quy định hiện hành.

3. Hỗ trợ công tác hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung về bảo tồn, phát triển Sâm Ngọc Linh và cây dược liệu khác.

Điều 6. Cơ chế hỗ trợ bảo tồn và phát triển Sâm Ngọc Linh

1. Hỗ trợ chăm sóc, bảo vệ và phát triển vườn Sâm gốc thuộc Trung tâm Phát triển Sâm Ngọc Linh và dược liệu Quảng Nam, Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp huyện Nam Trà My.

a) Ngân sách tỉnh hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp, đầu tư xây dựng mới cơ sở hạ tầng phục vụ bảo tồn, bảo vệ và sản xuất cây giống tại các vườn Sâm giống gốc.

b) Trung tâm Phát triển Sâm Ngọc Linh và dược liệu Quảng Nam, Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp huyện Nam Trà My được cung ứng cây giống Sâm Ngọc Linh (01 năm tuổi) để thực hiện cơ chế này.

2. Hỗ trợ phát triển sản xuất

a) Hỗ trợ về giao môi trường rừng

Hộ, nhóm hộ, tổ hợp tác được nhận khoán, quản lý, bảo vệ rừng ở phân khu phục hồi sinh thái, phân khu hành chính dịch vụ trong rừng đặc dụng và rừng phòng hộ theo quy hoạch và kế hoạch giao khoán để quản lý, bảo vệ rừng kết hợp trồng Sâm dưới tán rừng.

Trạm Dược liệu Trà Linh (thuộc Trung tâm Phát triển Sâm Ngọc Linh và dược liệu Quảng Nam); Trại Sâm Tắc Ngo (thuộc Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp huyện Nam Trà My) được nhà nước quy hoạch, giao môi trường rừng không thu tiền sử dụng để thực hiện nhiệm vụ bảo tồn và phát triển cây Sâm Ngọc Linh theo quy định của pháp luật.

b) Hỗ trợ cây giống để trồng mới

Hộ, nhóm hộ; tổ hợp tác, hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã được hỗ trợ không quá 80% giá mua cây giống Sâm Ngọc Linh (01 năm tuổi), nhưng không quá 300 cây/hộ/thành viên của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Điều 7. Cơ chế hỗ trợ bảo tồn và phát triển cây dược liệu khác

1. Hỗ trợ bảo tồn, sản xuất giống: Ngân sách tỉnh đầu tư kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo tồn, sản xuất giống như sau:

a) Điều tra hiện trạng, xác định vùng phân bố tự nhiên để làm cơ sở cho việc lập quy hoạch, kế hoạch bảo tồn và phát triển các cây dược liệu khác trên địa bàn tỉnh.

b) Hỗ trợ đầu tư 02 khu vực khoanh nuôi, trồng bảo tồn chủ động để bảo tồn gen và cung cấp vật liệu nhân giống ở huyện Phước Sơn (cây Ba kích tại xã Phước Kim) và huyện Nam Trà My (các cây dược liệu khác).

2. Hỗ trợ phát triển trồng mới

Hộ, nhóm hộ, tổ hợp tác: Ngân sách tỉnh hỗ trợ một lần cho chu kỳ đầu tiên để mua giống cây dược liệu khác, với mức không quá 80% giá cây giống đối với Khu vực III, 60 % đối với Khu vực II, 50% đối với Khu vực I. Phần còn lại do hộ, nhóm hộ, tổ hợp tác chi trả; tùy điều kiện cụ thể ngân sách cấp huyện, cấp xã có thể hỗ trợ thêm. Diện tích tối thiểu được hỗ trợ 01 ha/hộ, nhóm hộ; 05 ha/tổ hợp tác.

Điều 8. Kinh phí thực hiện

1. Tổng nguồn vốn: 104.600 triệu đồng từ nguồn ngân sách tỉnh. Trong đó:

a) Nguồn vốn đầu tư phát triển: 15.000 triệu đồng.

b) Nguồn vốn sự nghiệp: 89.600 triệu đồng.

2. Phân kỳ nguồn vốn thực hiện

a) Năm 2022 khoảng 17.830 triệu đồng; năm 2023 khoảng 30.300 triệu đồng; năm 2024 khoảng 28.350 triệu đồng; năm 2025 khoảng 28.120 triệu đồng.

(Kèm theo phụ lục chi tiết về phân kỳ nguồn vốn thực hiện)

b) Hằng năm, căn cứ điều kiện, khả năng cân đối ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo rà soát, tổng hợp vào dự toán ngân sách trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, bố trí nguồn vốn để triển khai thực hiện.

Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các hộ, nhóm hộ, đơn vị được hỗ trợ về giao môi trường rừng tại khoản 1, Điều 5 Nghị quyết số 41/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế khuyến khích, bảo tồn, phát triển Sâm Ngọc Linh trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2018 - 2025 được tiếp tục thực hiện nội dung hỗ trợ về giao môi trường rừng theo cơ chế của Nghị quyết này.

2. Các hộ, nhóm hộ đã được hỗ trợ đủ số lượng cây giống Sâm Ngọc Linh theo quy định tại khoản 2, Điều 5 Nghị quyết số 41/2017/NQ-HĐND thì không được hưởng cơ chế hỗ trợ cây giống Sâm Ngọc Linh của Nghị quyết này; các hộ, nhóm hộ chưa nhận đủ số lượng, thì được tiếp tục hỗ trợ cây giống, nhưng tổng số không quá 300/cây/hộ (tính chung cho các lần hỗ trợ).

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết. Hướng dẫn cụ thể về phương thức cung ứng cây giống Sâm Ngọc Linh (01 năm tuổi) theo cơ chế Nghị quyết này, định kỳ hằng năm báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

4. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 41/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế khuyến khích, bảo tồn, phát triển Sâm Ngọc Linh trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2018 - 2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa X, kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 21 tháng 4 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 5 năm 2022./.

Nơi nhận:
- UBTVQH;
- Chính phủ;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban CTĐB - UBTVQH;
- Các Bộ: NN&PTNT, TC, KH-ĐT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy; UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- TTXVN tại Quảng Nam;
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh: CPVP, các phòng;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Phan Việt Cường

Phụ lục

Phân kỳ nguồn vốn thực hiện

(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày / /2022 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Hạng mục	Tổng	Chia ra các năm			
			2022	2023	2024	2025
I	**Chi từ nguồn đầu tư phát triển**	**15.000**		**8.000**	**4.500**	**2.500**
1	**Đối với Sâm Ngọc Linh** (Hỗ trợ chăm sóc, bảo vệ và phát triển vườn Sâm Ngọc Linh gốc)	**5.000**		**3.000**	**2.000**	
a)	Hệ thống hàng rào bảo vệ vườn Sâm Ngọc Linh	2.000		1.000	1.000	
b)	Nhà sản xuất cây giống	2.000		1.000	1.000	
c)	Hệ thống nước sạch phục vụ sinh hoạt và sản xuất tại các Trạm/Trại Dược liệu thuộc nhà nước quản lý	1.000		1.000		
2	**Bảo tồn cây dược liệu khác**	**10.000**		**5.000**	**2.500**	**2.500**
	Hỗ trợ cho các tổ chức trồng bảo tồn, kết hợp với sản xuất giống tại huyện Phước Sơn và Nam Trà My	10.000		5.000	2.500	2.500
II	**Chi từ nguồn hoạt động sự nghiệp**	**89.600**	**17.830**	**22.300**	**23.850**	**25.620**
1	**Đối với cây Sâm Ngọc Linh**	**57.100**	**11.600**	**14.000**	**15.000**	**16.500**
	Hỗ trợ cây giống cho hộ, nhóm hộ, THT, HTX, LHHTX.	57.100	11.600	14.000	15.000	16.500
2	**Đối với cây dược liệu khác**	**31.000**	**6.000**	**8.000**	**8.500**	**8.500**
a)	Điều tra hiện trạng, xác định vùng phân bố tự nhiên	1.000		1.000		
b)	Hỗ trợ cây giống cho hộ, nhóm hộ, THT	30.000	6.000	7.000	8.500	8.500
3	**Chi phí hỗ trợ khác**	**1.500**	**230**	**300**	**350**	**620**
a)	Thông tin, tuyên truyền, tập huấn hướng dẫn kỹ thuật	800	100	200	200	300
b)	Hội nghị, hội thảo	200	30		50	120
c)	Kiểm tra, giám sát	500	100	100	100	200
	Tổng kinh phí	**104.600**	**17.830**	**30.300**	**28.350**	**28.120**